

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **59/2024/DS-ST**  
Ngày 06-5-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

Ông Đào Khel

Bà Nguyễn Bạch Nhạn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 381/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** [Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.](#)

Trụ sở chính: [Số A đường P, phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.](#)

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông [Nguyễn Trung K](#) (có mặt) chức vụ – Nhân viên kinh doanh [Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh S](#); có trụ sở tại : [Số B đường Q, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng](#), là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền số 08/QĐ-STG ngày 22/03/2024 do ông [Phạm Minh T](#) - Chức vụ: Giám đốc [Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh S](#))

***- Bị đơn:*** Ông [Nguyễn Hữu K1](#), sinh năm: 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: [Số B đường N, khóm A, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.](#)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2023 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Trung K trình bày:

Ngày 10/04/2015 ông Nguyễn Hữu K1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số T15001/HDTD/01, vay số tiền gốc là 52.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn vay 36 tháng (từ 10/4/2015 đến ngày 10/4/2018), mục đích vay: Tiêu dùng, hình thức vay: Vay góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu, biện pháp bảo đảm: Tín chấp. Trong quá trình vay, từ ngày 10/4/2015 đến ngày 29/08/2023 ông Nguyễn Hữu K1 đã trả gốc được số tiền 17.199.945 đồng, lãi trong hạn số tiền là 8.126.055 đồng, tổng số tiền trả được 25.326.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu K1 còn nợ tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/5/2024 là 71.117.325 đồng, trong đó số tiền gốc là 34.800.055 đồng, số tiền lãi trong hạn là 4.977.945 đồng và lãi quá hạn là 31.339.325 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hữu K1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/5/2024 là 71.117.325 đồng, trong đó số tiền gốc là 34.800.055 đồng, số tiền lãi trong hạn là 4.977.945 đồng và lãi quá hạn là 31.339.325 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu K1 từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không phản đối những tình tiết sự kiện mà nguyên đơn đưa ra.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông [Nguyễn Hữu K1](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn Khoa.

[2] Về nội dung: Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Ngân hàng và ông [Nguyễn Hữu K1](#) có giao kết Hợp đồng tín dụng số T15001/HDTD/01, vay số tiền gốc là 52.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn vay 36 tháng (từ 10/4/2015 đến ngày 10/4/2018), mục đích vay: Tiêu dùng, hình thức vay: Vay góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu, biện pháp bảo đảm: Tín chấp. Trong quá trình vay, từ ngày 10/4/2015 đến ngày 29/08/2023 ông [Nguyễn Hữu K1](#) đã trả gốc được số tiền 17.199.945 đồng, lãi trong hạn số tiền là 8.126.055 đồng, tổng số tiền trả được 25.326.000 đồng, tính đến ngày 06/5/2024 ông [K1](#) còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là: 71.117.325 đồng, trong đó số tiền gốc là 34.800.055 đồng, số tiền lãi trong hạn là 4.977.945 đồng và lãi quá hạn là 31.339.325 đồng.

[3] Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ. **Xét thấy, hợp đồng tín dụng** số T15001/HDTD/01 được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông [K1](#) biết nhưng ông [K1](#) không có ý kiến phản đối gì. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông [K1](#) không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Do ông [K1](#) vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ phù hợp với thỏa thuận tại các Điều 5 của hợp đồng tín dụng và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13; Điều 18; Điều 27; Điều 30 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc [Ngân hàng N](#) quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.**

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí. Bị đơn

ông [Nguyễn Hữu K1](#) phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 3.555.866 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của [Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.](#)

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, các Điều 92; Điều 95, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13; Điều 18; Điều 27; Điều 30 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.](#)

#### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.](#)

2. Buộc bị đơn ông [Nguyễn Hữu K1](#) có trách nhiệm thanh toán cho [Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ](#) số tiền vốn và lãi còn nợ tổng cộng là: 71.117.325 đồng, trong đó số tiền gốc là 34.800.055 đồng, số tiền lãi trong hạn là 4.977.945 đồng và lãi quá hạn là 31.339.325 đồng.

[Kể từ ngày 07/5/2024](#) ông [Nguyễn Hữu K1](#), [còn phải tiếp](#) tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông [Nguyễn Hữu K1](#) phải tiếp tục thanh toán cho [Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ](#) cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của [Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.](#)

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn [Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ](#) không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn [Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ](#) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.700.000 đồng theo biên lai thu số [0011592 ngày 06/11/2023](#) của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông [Nguyễn Hữu K1](#) phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 3.555.866 đồng.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- **Chi cục THADSTPST;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Huỳnh Thị Bích Tuyên**